

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO LÂM  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **76/2023/HNGĐ- ST**

Ngày : 20-11-2023

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Quế

2. Ông Nguyễn Trọng Hoàng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 63/2023/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị ĐoànThị Hà, sinh năm 1991

HKTT: Thôn 7, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: 127/12 Lam Sơn, phường Lộc S, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

**- Bị đơn:** Anh Trịnh Trung T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 7, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị H có mặt, anh T vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 07/3/2023 các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Trịnh Trung T chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 03/6/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ổn định tại thôn 7, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc. Anh T thường xuyên nhậu nhẹt, gây sự, kiếm chuyện, đánh đập vợ, con nhiều lần. Do bạo lực gia đình nên chị H đã thuê nhà ra ở riêng cùng với hai con chung từ năm 2022 đến

nay. Vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ, không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh Trịnh Trung T có 02 con chung là: Trịnh Thị Trà M1, sinh ngày 27/02/2009 và Trịnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 20/5/2010. Nay ly hôn chị H yêu cầu được nuôi hai con chung đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H và anh Trịnh Trung T không tạo về tài sản chung và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh Trịnh Trung T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/9/2023 nhưng không thành vì chị H có mặt còn anh T vắng mặt. Chị H có đơn yêu cầu không tiếp tục hòa giải mà giải quyết vụ án theo luật định.

#### ***Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung cần giao hai con chung là Trịnh Thị Trà M1, sinh ngày 27/02/2009 và Trịnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 20/5/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung chị H và anh T không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn anh Trịnh Trung T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

#### **2. Về nội dung vụ án:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đoàn Thị H và anh Trịnh Trung T chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 03/6/2010. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống ổn định tại thôn 7, xã Lộc A, huyện B. Chị H cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh T thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, đánh đập vợ, con. Từ năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho đến nay không thể hàn gắn đoàn tụ, không còn quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Chị H và các con đã thuê nhà ở riêng, vợ chồng không còn sống chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có xác minh chính quyền địa phương nơi vợ chồng sinh sống được biết vợ chồng chị H, anh T có mâu thuẫn là đúng và không còn sống chung với nhau. Tòa án có triệu tập anh T đến làm việc, hòa giải đoàn tụ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Nay chị H vẫn kiên quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh T là có căn cứ và đúng pháp luật.

*Về con chung:* Căn cứ lời khai chị H, các bản khai sinh của con do chị H xuất trình thì quá trình chung sống chị H và anh T có 02 con chung là Trịnh Thị Trà M1, sinh ngày 27/02/2009 và Trịnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 20/5/2010. Các con hiện nay đang sống chung với chị H, chị H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, có đủ điều kiện nuôi con. Các con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị H. Nay chị H yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung đến khi đủ 18 tuổi. Còn anh T được Tòa án triệu tập nhưng không đến làm việc nên không thể hiện ý chí về con chung. Vì vậy, xét thấy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao con chung là Trịnh Thị Trà M1, sinh ngày 27/02/2009 và Trịnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 20/5/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ các con 18 tuổi. Chị H không ai yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

*Về tài sản chung:* Chị H và anh T không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

*Về nợ chung:* Chị H trình bày chị và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

*Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị H đối với anh Trịnh Trung T về việc “Ly hôn”.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Đoàn Thị H được ly hôn với anh Trịnh Trung T.

**2. Về con chung:** Buộc anh Trịnh Trung T phải giao hai con chung là Trịnh Thị Trà M1, sinh ngày 27/02/2009 và Trịnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 20/5/2010 cho chị Đoàn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*“Quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.*

**3. Về án phí:** Buộc chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0012725 ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

**4. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Bích Thủy**











